

Số: /TTr-BKHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo 2****TỜ TRÌNH****Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 55/2024/UBTVQH15 ngày 28/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 20/7/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thường trực Chính phủ, Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT****1. Cơ sở chính trị, pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật KH,CN&ĐMST, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo: “*Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực*

*mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”.*

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH,CN&ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”*. Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.”*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.”*

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: *“Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh”*; *“Rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.”*

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu*

*khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.”*

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.”*

e) Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học; nghiên cứu, sửa đổi tuổi lao động phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc đánh giá, công nhận các chức danh khoa học; rà soát, hoàn thiện hệ thống giải thưởng nhà nước, giải thưởng ngành, lĩnh vực và các chính sách tôn vinh khác đối với đội ngũ trí thức.”*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ”*.

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đầu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”*.

i) Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV có nội dung: *“Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo.”*

k) Ngoài các văn bản nêu trên, nhiều Nghị quyết của Đảng liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, sắp xếp và nâng cao tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy phát triển KH, CN & ĐMST cần được tiếp tục thể chế hóa trong Luật KH, CN & ĐMST (sửa đổi).

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có nhiều nội dung chưa được thể chế hóa trong Luật KH&CN hiện hành. Do vậy, cần nghiên cứu để cập nhật vào các nội dung của Luật KH&CN (sửa đổi).

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư*

*ngiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

3. *Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoặc hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong đó, nhiều quy định chưa đồng bộ với các nội dung của Luật KH&CN 2013, nên cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*

d) Kế hoạch số 81-KH/UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó có nội dung nghiên cứu, rà soát Luật Khoa học và Công nghệ, đề xuất đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

đ) Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, rà soát Luật KH&CN, xem xét đưa vào Chương trình năm 2022-2025.

Để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng của Quốc hội và chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện thể chế Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất sửa đổi toàn diện Luật KH&CN 2013, xây dựng Luật KH,CN&ĐMST.

**1.3.** Quán triệt chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ về đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp, trong đó chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, tư duy quản lý không cứng nhắc, dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm. Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc, không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao cho Chính phủ, địa phương quy định để đảm bảo linh hoạt trong điều hành. Tuyệt đối không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội, luật hóa các quy định của nghị định và thông tư. Đổi mới quy trình xây dựng tổ chức thực hiện pháp luật, bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không nóng vội nhưng không cầu toàn để mất thời cơ; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Quá trình triển khai thi hành Luật KH&CN 2013 cho thấy pháp luật hiện hành có một số nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn nhằm phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

*Thứ nhất*, nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét đòi hỏi nhà nước cần có các cơ chế, chính sách phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đủ cơ chế thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho KH,CN&ĐMST.

*Thứ hai*, các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

*Thứ ba*, các làn sóng công nghệ mới phát triển nhanh chóng, mãnh liệt đòi hỏi Chính phủ các nước phải luôn sẵn sàng điều chỉnh chính sách và thích ứng kịp thời.

*Thứ tư*, nhiều nội dung xuất phát từ tình hình thực tiễn hoặc là thông lệ quốc tế trong hoạt động KH&CN chưa được bổ sung, cập nhật vào Luật KH&CN 2013 như:

- Triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp, liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Vấn đề đo lường kết quả, đánh giá hiệu quả và tác động của KH&CN phục vụ công tác kế hoạch, điều phối, cấp phát kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Vấn đề khoa học mở là xu thế được UNESCO khuyến nghị từ năm 2021. Để triển khai thực hiện, cần nghiên cứu giải pháp tăng cường trao đổi thông tin, thông qua hệ thống quản lý và chia sẻ dữ liệu nghiên cứu KH&CN dùng chung.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền con người trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là các công nghệ liên quan đến nhân bản vô tính, chỉnh sửa gen người, trí tuệ nhân tạo...; tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp như một lực lượng chủ lực trong nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo của người dân thông qua các hoạt động truyền bá tri thức, nuôi dưỡng văn hóa ĐMST, văn hóa tôn trọng khoa học, văn hóa sở hữu trí tuệ; việc ghi nhận và tôn vinh; các thiết chế thúc đẩy truyền bá, cổ vũ sáng tạo như bảo tàng khoa học chưa có quy định hoặc chỉ dừng ở một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng để triển khai trong thực tiễn.

*Thứ năm*, những quy định chưa phù hợp trong Luật KH&CN 2013:

- Vấn đề giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) cho cơ quan chủ trì theo cơ chế tự động: Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW và Luật KH&CN 2013 đã có quy định về trao quyền sở hữu kết quả KH&CN sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì. Tuy nhiên, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 những năm qua yêu cầu phải thông qua cơ chế xin phép đại diện chủ sở hữu nhà nước là Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

- Vấn đề đặt hàng nhiệm vụ KH&CN từ các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố gắn với trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả

KH&CN chưa phù hợp vì không phải kết quả nào cũng có thể ứng dụng ngay mà phải trải qua quá trình hoàn thiện thành sản phẩm để có đủ điều kiện đưa ra thị trường. Đồng thời, doanh nghiệp là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả KH&CN, biến các kết quả này trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Vấn đề tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH&CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (nhân rộng, thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;...) và lan tỏa, truyền bá tri thức (thông qua phát triển các tạp chí, viện bảo tàng, cơ sở dữ liệu mở về KH&CN).

- Vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động KH&CN (trao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN công lập; phân cấp quản lý các chương trình KH&CN quốc gia giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ chuyên ngành; giữa Trung ương và địa phương; giữa các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở ở viện nghiên cứu/trường đại học) cần được quy định rõ ràng về quyền và trách nhiệm; tập trung rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong triển khai nhiệm vụ KH&CN.

Quá trình tổng kết triển khai thi hành Luật KH&CN 2013, bên cạnh những nguyên nhân xuất phát từ công tác tổ chức triển khai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan cũng như nguyên nhân khách quan từ bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có một số nguyên nhân từ các quy định của Luật KH&CN 2013, cần được nghiên cứu để sửa đổi, hoàn thiện, cụ thể là:

*Thứ nhất*, chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây, đặc biệt trong là các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Thứ hai*, một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đặc biệt là hoạt động ĐMST, cũng như các quan hệ kinh tế - xã hội liên quan tới lĩnh vực này chưa được cập nhật để điều chỉnh một cách kịp thời, đồng bộ.

*Thứ ba*, một số nội dung trong Luật KH&CN 2013 mới dừng ở nguyên tắc chung, chưa được xác định một cách cụ thể, dẫn đến khó hoặc chậm đi vào cuộc sống như Điều 3 Luật KH&CN 2013 đã quy định về các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến hoạt động KH&CN, tuy nhiên nội hàm các thuật ngữ nêu trên



chưa làm rõ kết quả của từng loại hình hoạt động KH&CN phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

*Thứ tư*, chưa thể chế hóa được các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH&CN, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn phát triển KH&CN, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, như nội dung: “Tập trung phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới” tại Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

*Thứ năm*, khi xây dựng Luật KH&CN 2013, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật đang dừng ở nguyên tắc chung. Trong giai đoạn hiện nay, các chủ thể tham gia phát triển và ứng dụng KH&CN có sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), ngày càng xuất hiện nhiều nguồn lực đầu tư từ xã hội cho KH, CN & ĐMST.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật KH&CN 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần nghiên cứu và sửa đổi toàn diện Luật KH&CN.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích ban hành Luật KH, CN & ĐMST**

Xây dựng Luật KH, CN & ĐMST để tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ theo cách tiếp cận toàn diện của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy cả ba chức năng tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội và đóng góp cho nhân loại. Từ đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH, CN & ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030<sup>1</sup> và 2045<sup>2</sup> như Đại hội XIII đã đề ra.

<sup>1</sup> Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

## **2. Quan điểm xây dựng Luật KH,CN&ĐMST**

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN.

b) Kế thừa các quy định của Luật KH&CN 2013 còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với thực tiễn phát triển KH&CN của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

c) Ban hành các chính sách mới thông qua các quy định cụ thể, tạo cơ sở pháp lý để phát triển nhanh, bền vững KH&CN, bắt kịp với sự phát triển KH&CN của thế giới. Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật quy định về việc triển khai thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Luật được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập dự án Luật KH,CN&ĐMST với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu, đại học tại Quyết định số 3098/QĐ-BKH&CN ngày 27/11/2024.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn đến các bộ, ngành, địa phương đề nghị góp ý cho dự án Luật.

---

<sup>2</sup> Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày ... đến ngày ...).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: ... ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; hai Đại học Quốc gia; ... ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong tổng số ... ý kiến đã nhận được, có ... ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật KH,CN&ĐMST.

**3.** Ngày ..., Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật.

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số ... ngày ...

**4.** Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và đã trình Chính phủ dự án Luật KH,CN&ĐMST (Tờ trình số .../TTr-BKHCN ngày ...).

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

### **1. Bố cục**

*Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST gồm 14 chương và 83 điều, cụ thể như sau:*

Chương I. Những quy định chung, gồm 11 điều (từ Điều 1 đến Điều 11).

Chương II. Tổ chức KH&CN, gồm 12 điều (từ Điều 12 đến Điều 23).

Chương III. Nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST, gồm 08 điều (từ Điều 24 đến Điều 31).

Chương IV. Đầu tư và tài chính phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST, gồm 10 điều (từ Điều 32 đến Điều 41).

Chương V. Hạ tầng, thông tin KH,CN&ĐMST, gồm 03 điều (từ Điều 42 đến Điều 44).

Chương VI. Nhiệm vụ, dự án sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN, gồm 12 điều (từ Điều 45 đến Điều 56).

Chương VII. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển, gồm 03 điều (từ Điều 57 đến Điều 59).

Chương VIII. Nghiên cứu, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, gồm 06 điều (từ Điều 60 đến Điều 65).

Chương IX. Hệ thống ĐMST quốc gia, gồm 03 điều (từ Điều 66 đến Điều 68).

Chương X. Phổ biến, lan tỏa tri thức KH,CN&ĐMST, gồm 04 điều (từ Điều 69 đến Điều 72).

Chương XI. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST, gồm 03 điều (từ Điều 73 đến Điều 75).

Chương XII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST, gồm 04 điều (Điều 76 đến Điều 79).

Chương XIII. Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (Điều 80 đến Điều 83).

## **2. Nội dung cơ bản của Luật**

### ***2.1. Những nội dung chính, quan trọng được kế thừa từ Luật KH&CN 2013***

#### **a) Quy định về cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH&CN**

Một trong những điểm nổi bật của Luật KH&CN năm 2013 là xác định rõ trách nhiệm đề xuất đặt hàng và tiếp nhận, tổ chức ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Qua cơ chế đặt hàng, nhiệm vụ được triển khai xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương và vùng.

#### **b) Hội nhập quốc tế về KH&CN**

Nội dung về hội nhập quốc tế được quy định thành một chương (từ Điều 70 đến Điều 72) trong Luật KH&CN năm 2013. Triển khai quy định của Luật KH&CN năm 2013, đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với hơn 70 nước, tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ; hơn 150 hiệp định, thỏa thuận hợp tác KH&CN. Trong đó, riêng trong giai đoạn 2011-2020, đã có 25 điều ước quốc tế (cấp Chính phủ) và thỏa thuận quốc tế (cấp Bộ) về hợp tác trong lĩnh vực KH&CN được ký kết. Việc tham gia vào các diễn đàn đa phương về KH&CN được thúc đẩy trên tinh thần chủ động, tích cực, trách nhiệm, đóng góp tích cực vào hoạt động chung, tranh thủ thúc đẩy quan hệ song phương với các nước thành viên của tổ chức; dần trở thành đối tác hợp tác bình đẳng và cùng có lợi trong các quan hệ hợp tác quốc tế song phương và đa phương về KH&CN. Các hoạt động hợp tác quốc tế đã giúp tăng cường năng lực nghiên cứu, nâng cao tiềm lực và đào tạo nhân lực nghiên cứu KH&CN cho Việt Nam.

#### **c) Giải thưởng về KH&CN**

Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật KH&CN năm 2013 và Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN; Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày

5/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP. Ngày 18/02/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 18/2024 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN để phù hợp với Luật Thi đua khen thưởng năm 2022.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 (thời điểm Luật KH&CN 2013 có hiệu lực thi hành) đến năm 2022, có 49 công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng. Các công trình/cụm công trình đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN là các công trình đặc biệt xuất sắc, vừa mang tính lý luận sâu sắc vừa mang tính thực tiễn cao, có giá trị cao về KH&CN, có tác động lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng và thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và sự nghiệp phát triển KH&CN của đất nước. Bên cạnh đó, nhiều giải thưởng KH&CN do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân tổ chức đã góp phần động viên, khích lệ, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN.

## ***2.2. Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ***

### **a) Đối với tổ chức KH&CN:**

- Bổ sung quy định làm rõ hệ thống tổ chức KH&CN, bao gồm: tổ chức nghiên cứu và phát triển; cơ sở giáo dục đại học đăng ký là tổ chức KH&CN; các doanh nghiệp có hoạt động chủ yếu là nghiên cứu và phát triển; hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức KH&CN; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức KH&CN.

- Bỏ quy định đăng ký hoạt động KH&CN đối với tất cả các tổ chức, thay vào đó chỉ quy định về việc thành lập và đăng ký hoạt động đối với tổ chức nghiên cứu và phát triển để xác định rõ đối tượng chủ yếu thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Trên cơ sở đó, Nhà nước có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư để nâng cao năng lực cho tổ chức nghiên cứu và phát triển; đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức KH&CN; có các chính sách ưu đãi, tạo điều kiện hình thành các tổ chức nghiên cứu mạnh và giải thể, sáp nhập các tổ chức hoạt động không hiệu quả theo đúng chủ trương tinh gọn, tổ chức, bộ máy tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Bổ sung quy định về tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập đặc biệt hoạt động trong các lĩnh vực Nhà nước ưu tiên đầu tư; bổ sung quy định về cơ chế tự chủ đối với tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập.

### b) Đối với nhân lực KH,CN&ĐMST

- Mở rộng nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST không chỉ bao gồm nhân lực trong các tổ chức KH&CN công lập mà còn bao gồm: học viên thạc sĩ nghiên cứu, nghiên cứu sinh, nghiên cứu viên sau tiến sĩ; cá nhân quản lý hoạt động KH,CN&ĐMST trong các cơ quan quản lý nhà nước; cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong trong doanh nghiệp; cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thúc đẩy ứng dụng công nghệ độc lập hoặc trong các tổ chức khác.

- Bổ sung các quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST; những điều cá nhân không được làm; bổ sung các chính sách ưu đãi phù hợp với từng đối tượng nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST; chính sách ưu đãi đối với nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư; người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động KH,CN ở Việt Nam trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của đất nước.

- Bổ sung quy định cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia thành lập, điều hành doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên tạo ra; định kỳ được cử sang làm việc tại các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và các tổ chức khác trong một thời gian nhất định để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực, nắm bắt nhu cầu công nghệ. Trong thời gian làm việc ở các tổ chức này vẫn được giữ nguyên chế độ lương, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Đây là quy định có tính đột phá nhằm thúc đẩy liên kết giữa khu vực nghiên cứu với doanh nghiệp để giúp nâng cao trình độ của doanh nghiệp, gắn nghiên cứu với thực tiễn và thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

### c) Đối với quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN

- Luật tập trung vào việc đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính trong xét duyệt, triển khai và quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý các chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN. Quy định rõ hai nội dung chương trình KH&CN và nhiệm vụ KH&CN. Làm rõ các loại nhiệm vụ KH&CN và kết quả của từng loại nhiệm vụ KH&CN. Trên cơ sở đó, xác định các loại hình nhiệm vụ và các giai đoạn triển khai nhiệm vụ KH&CN được NSNN hỗ trợ và những giai đoạn huy động nguồn lực từ xã hội để triển khai nhiệm vụ KH&CN. Làm rõ nội dung, cách thức triển

khai nhiệm vụ KH&CN đặt hàng; làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đặt hàng trong việc tiếp nhận và ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Bổ sung quy định về xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN để quy định các tổ chức được chủ động sử dụng kinh phí để xét chọn các nhiệm vụ cơ sở để tăng cường năng lực nghiên cứu.

- Bổ sung quy định về cụm nhiệm vụ KH&CN, chuỗi nhiệm vụ KH&CN, cách thức xét chọn nhiệm vụ để triển khai một nội dung nghiên cứu trong một giai đoạn gắn với kết quả đầu ra. Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết về cụm nhiệm vụ KH&CN, chuỗi nhiệm vụ KH&CN.

- Bổ sung quy định về đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN; chủ thể thực hiện đánh giá; trách nhiệm của tổ chức chủ trì, bộ, ngành, địa phương, cơ quan quản lý chương trình nhiệm vụ KH&CN; thời điểm đánh giá và việc sử dụng kết quả đánh giá.

- Hoàn thiện quy định về giao quyền kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cho tổ chức chủ trì để khai thác trong thời gian chờ cấp văn bằng bảo hộ đối với đối tượng đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng.

- Bổ sung nguyên tắc chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bổ sung quy định về đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu và phát triển phải ban hành và thực thi các quy định về đạo đức nghiên cứu, nhất là các nghiên cứu có ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người.

- Bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo hành lang pháp lý thử nghiệm các công nghệ mới mà pháp luật chưa có quy định hoặc cấm thử nghiệm.

#### d) Về đầu tư và tài chính phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST

- Bổ sung quy định về xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển KH,CN&ĐMST của quốc gia làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch KH,CN&ĐMST hằng năm, bao gồm cả kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội.

- Hoàn thiện quy định về lập dự toán, cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ NSNN.

- Sửa đổi các nội dung chi NSNN cho phù hợp với thực tiễn; làm rõ các nội dung chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN.

- Sửa đổi quy định về thực hiện cơ chế khoán chi trong triển khai nhiệm vụ KH&CN. Quy định các tổ chức công lập được tự phê duyệt dự toán chi tiết để chi cho nhiệm vụ tùy theo tiến độ, nhân lực thực tế; nội dung chi cho công lao động phải nhập chung vào nguồn thu để chi trả cho những cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ KH&CN, những cá nhân tham gia hỗ trợ nhiệm vụ KH&CN và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện cho tổ chức công lập chủ động quản lý và sử dụng kinh phí được giao để chi cho cá nhân tham gia hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN và nâng cao năng lực cho tổ chức KH&CN.

- Hoàn thiện quy định thu hút đầu tư ngoài NSNN cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác thuộc Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù hoạt động tài trợ của Quỹ.

- Bổ sung về nguyên tắc chính sách thuế đối với hoạt động KH,CN&ĐMST để làm căn cứ đề xuất các ưu đãi cụ thể trong các luật về thuế.

- Bổ sung chính sách tín dụng đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

đ) Hoàn thiện quy định về hạ tầng và thông tin KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung quy định về các phòng thí nghiệm, thử nghiệm dùng chung để khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung quy định về các cụm, khu nghiên cứu, phát triển và ĐMST tập trung và các chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực này.

e) Hoàn thiện quy định về thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển

- Mở rộng quy định về giao quyền sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trừ một số trường hợp đặc biệt để tạo điều kiện cho tổ chức chủ trì tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết quả và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Quy định này sẽ tháo gỡ nút thắt trong việc định giá trước khi giao quyền trong các quy định hiện nay.

- Hoàn thiện các quy định sử dụng lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.



g) Bổ sung quy định thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp

- Làm rõ các hoạt động nghiên cứu, phát triển trong doanh nghiệp và các nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp.

- Bổ sung chính sách khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá thông qua quy định được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN xem xét tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn.

- Bổ sung quy định Nhà nước ưu tiên mua các sản phẩm là kết quả của các hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về các loại trang thiết bị máy móc phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ trong doanh nghiệp và chi phí mua sắm hoặc thuê các trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ trong doanh nghiệp được tính vào kinh phí dành cho nghiên cứu, phát triển công nghệ và ĐMST của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở khai thác kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể.

h) Bổ sung quy định về hệ thống ĐMST quốc gia; chính sách đối với trung tâm ĐMST xuất sắc; luật hóa quy định về quản lý nhà nước đối với chỉ số ĐMST quốc gia, chỉ số ĐMST cấp tỉnh.

i) Bổ sung quy định về phổ biến, lan tỏa tri thức: các hoạt động phổ biến, lan tỏa tri thức; trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức; kinh phí dành cho các hoạt động phổ biến, lan tỏa tri thức; bổ sung quy định về tạp chí KH&CN phù hợp với thông lệ quốc tế.

k) Hoàn thiện quy định về hợp tác, hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

l) Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST.

m) Về điều khoản thi hành:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 của Luật Chuyển giao công nghệ về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để làm rõ nội dung tài trợ, cấp kinh phí của Quỹ hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ và ĐMST. Bổ sung quy định nguồn vốn của Quỹ Đổi mới

công nghệ quốc gia bên cạnh nguồn đầu tư công; kinh phí sự nghiệp KH&CN đề tài trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN hằng năm, còn bổ sung nguồn vốn kết dư từ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ; bổ sung quy định Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để nâng cao địa vị pháp lý của Quỹ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, dẫn chiếu kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được quản lý, xử lý theo quy định của Luật KH,CN&ĐMST, Luật Sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, Luật KH,CN&ĐMST đã làm rõ các loại hình kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, kết quả nào là tri thức, tài sản trí tuệ và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao cho tổ chức chủ trì để tiếp tục hoàn thiện nhằm thúc đẩy thương mại hóa.

n) Quy định về điều khoản chuyển tiếp để làm rõ phương án xử lý đối với những nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt; các đơn đăng ký hoạt động KH&CN đã nộp cho cơ quan nhà nước thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN; và đăng ký tổ chức KH&CN đối với các tổ chức mới thành lập.

### ***2.3. Nội dung phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính***

#### **a) Về phân cấp, phân quyền:**

Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN theo hướng phân định, tách biệt loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và dự án ĐMST dựa trên công nghệ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong phê duyệt, ký hợp đồng và triển khai thực hiện.

#### **b) Về cải cách thủ tục hành chính**

- Bỏ thủ tục đăng ký hoạt động KH&CN đối với các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật khác tham gia hoạt động KH&CN (Luật Giáo dục đại học, Luật Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, Luật Doanh nghiệp...) khi tham gia hoạt động KH&CN. Chỉ yêu cầu đăng ký tổ chức KH&CN đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật KH&CN, có chức năng chủ yếu là nghiên cứu và phát triển.

- Đơn giản hóa các bước phê duyệt nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, giảm thời gian phê duyệt nhiệm vụ (đề xuất, xác định, tuyển chọn...) theo hướng giảm tải thời gian xét duyệt, yêu cầu, hồ sơ. Làm rõ, đổi mới cách thức triển khai theo hai phương thức: do Nhà nước đặt hàng và do tổ chức, cá nhân đề xuất để có cơ chế giao kết quả phù hợp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

- Đơn giản hóa quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Quy định một số nội dung cơ bản của hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân không sử dụng NSNN; bổ sung quy định các nội dung của hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN giữa cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; bổ sung quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN để triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật KH,CN&ĐMST sau khi được thông qua bao gồm: các khoản chi cho hoạt động KH,CN&ĐMST; ưu đãi cho nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho các hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo; kinh phí chi nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, thạc sĩ nghiên cứu tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài; chi phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST; chi phí đầu tư các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung. Các nguồn kinh phí này nằm trong nguồn ngân sách hằng năm dành cho KH&CN và nguồn kinh phí huy động từ sự đóng góp, đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

## **VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN**

### **Về tên Luật**

Tại Luật KH&CN năm 2013, thuật ngữ ĐMST đã được định nghĩa là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa (tại Khoản 16 Điều 3). Tuy nhiên, Luật

KH&CN 2013 còn thiếu chính sách tổng thể để điều chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng, hệ thống ĐMST ngành trong khi đây là những yếu tố có vai trò thúc đẩy liên kết giữa các thành tố trong hệ thống ĐMST để thúc đẩy kết nối, đưa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trở thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gia tăng và đi vào thị trường. Sau khi rà soát, nghiên cứu, phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN (sửa đổi) được đề xuất mở rộng từ hoạt động KH&CN sang hoạt động KH,CN&ĐMST. Do vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đổi tên Luật thành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về dự án Luật KH,CN&ĐMST, Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

**BỘ TRƯỞNG**